

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: **597/2017/HSPT**
Ngày 21-8- 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Năng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 604/2017/HSPT ngày 07/8/2017 với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 81/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, quận Đ, Hà Nội; chỗ ở phường G, quận L, Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; con ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị D; có 01 tiền án (Bản án số 124/2014/HSST ngày 28.5.2014 của Tòa nhân dân quận L, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ra trại ngày 3/7/2016); tiền sự không; nhân thân có 02 tiền án đã được xóa án tích (Bản án số 126/HSST ngày 17/6/1997 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Cướp

tài sản”; Bản án số 189/2009/HSST ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân dân quận L xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”), có 02 tiền sự đã được xóa (Năm 2005, Công an phường Đ, quận L lập hồ sơ đi cai nghiện, thời gian 24 tháng; năm 2014, Công an phường B, quận L xử lý hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị bắt ngày 04/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà nội - có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 3/4/2017, T đi xe buýt đến khu vực Từ Sơn, Bắc Ninh để mua ma túy sử dụng. Khi đến Từ Sơn, T mua 02 gói ma túy đá với giá 400.000 đồng của một người đàn ông không quen biết. Sau khi mua xong, T giấu ma túy vào túi quần bên trái rồi ra bến xe buýt để về thì gặp 01 nam thanh niên không rõ tên tuổi là bạn cùng nghiện ma túy cho T 01 gói hêrôin, T cho vào túi quần bên trái. Khoảng 2 giờ 20 phút ngày 4/4/2017, T về đến phố Đ, xã Y thì bị Công an phường Đ, quận L bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 2632/KLGD- C54 ngày 3.5.2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố kết luận 01 gói chất bột màu trắng là hêrôin, trọng lượng 0,060 gam; 2 gói tinh thể màu trắng là Methamphetamin, trọng lượng 1,290 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2016/HSST ngày 28.6.2017 của Tòa án nhân dân huyện G, Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1, Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 ; Điều 33 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 4/4/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2017, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thành khẩn nhận tội, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi vì theo Bộ luật hình sự năm 2015 qui định về hình phạt nhẹ hơn Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản thu giữ tang vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; Kết luận giám định số 2632/KLGD-PC54 ngày 3/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 2 giờ 20 phút ngày 4/4/2017, tại trước cửa nhà số 112 phố Đ, xã Y, huyện G, Hà Nội, Nguyễn Anh T có hành vi tàng trữ 01 gói hêrôin, trọng lượng 0,060 gam; 2 gói Methamphetamin, trọng lượng 1,290 gam. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác trong xã hội, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô. Bị cáo nhận thức việc tàng trữ, sản xuất, vận chuyển, mua bán, sử dụng các chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn tàng trữ để sử dụng cho bản thân; nhân thân bị cáo có 3 tiền án (có hai tiền án về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy"), trong đó có 01 tiền án năm 2014 chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Theo qui định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội qui định về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy, mặc dù khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 qui định mức hình phạt nhẹ hơn (hình phạt từ 1 năm tù đến 5 năm tù) so với khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định mức hình phạt là từ 02 tù năm đến 7 năm tù), nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy mức án 36 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là cần thiết và mới đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã

hội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Theo qui định của pháp luật, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội qui định về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27.2.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 21/8/2017.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

